



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
HAIPHONG ELECTRICITY WATER MACHINE ASSEMBLY JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lôì - Phường Nghĩa Xá - Quận Lê Chân - Thành phố Hải Phòng

ĐT: 031.3856 209 * Fax: 031.3785759 * Email: dnc@diennuochp.com.vn

www.diennuochp.com.vn * Mã chứng khoán: DNC



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG NĂM BÁO CÁO 2017

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- TÊN GIAO DỊCH: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG
- TÊN VIẾT TẮT: DNC
- GIẤY CHỨNG NHẬN ĐKDN SỐ: 0200155561 Do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp ngày 07/7/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 10.
- VỐN ĐIỀU LỆ: 31.618.920.000 đồng (Ba mươi một tỷ sáu trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng)
- VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU: 31.618.920.000 đồng (Ba mươi một tỷ sáu trăm mười tám triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng)
- ĐỊA CHỈ: Số 34 đường Thiên Lôì, quận Lê Chân - TP. Hải Phòng
- ĐIỆN THOẠI: (84-0225)3.782.235 – (84-0225) 3.856.209
- FAX: (84-0225) 3.785.759
- WEBSITE: www.diennuochp.com.vn
- MÃ CHỨNG KHOÁN: **DNC** (Cổ phiếu phổ thông)

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng trước đây là Công ty Điện nước lắp máy, tiền thân là Đội điện nước lắp máy có nhiệm vụ lắp đặt điện nước cho các công trình.

Năm 2005 thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước của Đảng và Chính phủ, ngày 14 tháng 03, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra Quyết định số 392/QĐ-UB phê duyệt phương án cổ phần hoá chuyển Công ty Điện nước lắp máy thành Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng.

Tại thời điểm 23/12/2009 công ty đã chính thức giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001815 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/10/2005 và thay đổi đăng ký lần thứ 10 vào ngày 07/7/2017, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

Hiện tại công ty hoạt động chủ yếu trong 2 lĩnh vực chính là:

- Đầu tư, quản lý vận hành và kinh doanh lưới điện hạ thế

- Thi công xây lắp xây dựng

- Địa điểm hoạt động của Công ty gồm:

- TRỤ SỞ CÔNG TY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lôi, quận Lê Chân, TP.Hải Phòng.

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN AN DƯƠNG

Địa chỉ: Xã An Đông, huyện An Dương, TP.Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP ĐIỆN VĨNH BẢO

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng

- XÍ NGHIỆP XÂY DỰNG ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY

Địa chỉ: Số 34 đường Thiên Lôi, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Công ty Cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty đại chúng niêm yết, được chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%

Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị:

Ban Kiểm soát:

Ban Tổng Giám đốc:

Các Phòng Ban chức năng và các đơn vị trực thuộc:

✓ Các Phòng nghiệp vụ:

- Phòng Kinh doanh: Thực hiện các hoạt động mua bán sản phẩm, dịch vụ đầu vào và quản lý, theo dõi các hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Phát triển, mở rộng khách hàng và phạm vi cung cấp. Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý Hành chính, Tổ chức, Lao động, Tiền lương.

- Phòng Tài chính: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo các nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Các Xí nghiệp trực thuộc: Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo chức năng chuyên môn và chỉ đạo của Ban Giám đốc.
- ✓ Các Ban Quản lý điện và các Đội kỹ thuật, Đội xây dựng:

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2018

4.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế:

TT	Chỉ tiêu	Sản lượng (KWh)	Doanh thu (Triệu đồng)	Tỷ lệ Tổng thất (%)
A	Tổng sản lượng, doanh thu	131.480.000	250.000	
I	Kinh doanh Điện	131.480.000	232.700	5,8%
1	<i>XN điện An Dương</i>	<i>99.400.000</i>	<i>179.200</i>	5,8%
1.1	<i>Xã An Đồng</i>	<i>38.580.000</i>	<i>69.500</i>	5,6%
1.2	<i>3 xã An Dương</i>	<i>28.270.000</i>	<i>51.000</i>	5,7%
1.3	<i>3 xã Thuỷ Nguyên</i>	<i>28.550.000</i>	<i>51.500</i>	6,0%
1.4	<i>Kinh doanh tại các khu đô thị</i>	<i>4.000.000</i>	<i>7.200</i>	3,0%
2	<i>XN điện Vĩnh Bảo</i>	<i>32.080.000</i>	<i>53.500</i>	5,7%
II	Kinh doanh nước	100.000	1.300	
III	Kinh doanh khác		4.000	
IV	Xây dựng, Xây lắp điện nước.		12.000	
B	Lợi nhuận trước thuế		14.500 triệu đồng	
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp		2.900 triệu đồng	
D	Lợi nhuận sau thuế		11.600 triệu đồng	
E	Tỷ lệ chia cổ tức		>19%	
F	Lương bình quân		7.200.000 đồng/ng/th	

* Triển khai các dự án đầu tư:

1. Thực hiện Dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 34-Đường Thiên Lôi:

2. Tiếp nhận hệ thống điện tại các khu dự án và các khu đô thị

* Công tác cải tạo, sửa chữa hệ thống lưới điện:

1. Xây dựng trạm biến áp

+ Xây dựng mới 03 TBA công suất 560KVA : 02 trạm tại An Dương, 01 trạm Lập Lễ

+ Phối kết hợp với Công ty Điện lực xây dựng 01 trạm biến áp Vĩnh Tiến Vĩnh Bảo.

+ Phối kết hợp với Công ty Điện lực xây dựng 03 trạm biến áp tại xã Hồng Thái, Quốc Tuấn, Hoàng Động.

2. Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống đường dây hạ thế, tập trung chủ yếu vào các xã có phụ tải sử dụng điện tăng nhanh, thuộc huyện An Dương và Thủy Nguyên: Số lượng dự kiến từ 10-15 KM.

3. Phát triển khách hàng mới: 1.500 hộ.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn (2018-2022)

4.2.1. Mục tiêu

- Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát huy tối ưu nguồn lực sẵn có để duy trì và đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 10 - 15%.
- Tập trung củng cố, phát triển lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính của Công ty đó là lĩnh vực kinh doanh điện. Đầu tư cải tạo, ổn định hệ thống lưới điện, phát triển mở rộng thị trường kinh doanh, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các biện pháp nhằm tiếp tục giảm tỷ lệ tổn thất điện năng, thực hiện các chương trình tiết kiệm trong quản lý, phân phối và bán lẻ điện.
- Đảm bảo công ăn việc làm, cải thiện thu nhập và điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn kinh doanh.

4.2.2. Các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1. Vốn điều lệ	41.100	41.100	50.000	50.000	60.000

2. Doanh thu	250.000	290.000	336.000	386.000	445.000
- Kinh doanh điện	232.700	270.000	313.200	360.400	415.600
- Kinh doanh nước	1.300	1.500	1.800	2.100	2.400
- Xây dựng, XL điện	12.000	14.500	16.500	19.000	22.000
- Kinh doanh khác	4.000	4.000	4.500	4.500	5.000
3. Lợi nhuận trước thuế TNDN	14.500	16.000	17.800	20.000	22.000
4. Thu nhập bình quân (đ/ng/th)	7.200.000	7.800.000	8.500.000	9.500.000	10.500.000
5. Tỷ lệ trả cổ tức	Trên 19%	20%	20%	20%	20%

4.2.3. Kế hoạch triển khai các dự án đầu tư.

1. Phát triển thị trường kinh doanh điện, phát triển khách hàng
3. Chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại số 34-Đường Thiên Lôi, Nghĩa Xá, Lê Chân, Hải Phòng:

5. Các rủi ro

Rủi ro về kinh tế

Thực trạng nền kinh tế và xu hướng chung trong tương lai có ảnh hưởng đến sự thành công và chiến lược hoạt động của một doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn có tốc độ tăng trưởng cao tạo nhiều cơ hội cho đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Rủi ro đặc thù

Nguyên vật liệu chính của sản phẩm dây cáp điện là kim loại đồng và nhôm. Sự biến động của giá đồng, nhôm trên thế giới ảnh hưởng đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Trong lĩnh vực xây lắp, quá trình thi công xây dựng công thường kéo dài, việc nghiệm thu bàn giao được thực hiện từng phần. Hiện nay việc giải ngân vốn thường chậm, quá trình hoàn tất hồ sơ thi công cũng như thống nhất phê duyệt quyết toán giữa chủ đầu tư và nhà thầu mất nhiều thời gian. Ngoài ra việc thanh toán của chủ đầu tư rất chậm trong khi giá nguyên vật liệu xây dựng trong thời gian qua tăng đột biến, các tiêu chuẩn định mức dự toán thường lạc hậu không theo kịp sự phát triển, những điều đó có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty hiện nay là: Kinh doanh điện, xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp. Tư vấn giám sát các công trình công cộng, dân dụng công nghiệp, công trình điện đến 220KV

Cơ cấu tổ chức lao động hiện nay do đặc thù kinh doanh Công ty bố trí, sắp xếp lại các đơn vị, bố trí lại cán bộ. Các đơn vị trong Công ty bao gồm 2 xí nghiệp điện, 01 xí nghiệp xây dựng điện nước, phòng kinh doanh, phòng kế toán với số lao động hiện nay 110 người.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Doanh thu bán hàng: 218.401.330.256 đ
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: 12.507.847.303 đ
- Lợi nhuận khác: 638.447.540 đ
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 13.146.294.843 đ

Các chỉ tiêu so với kế hoạch đều đạt chỉ tiêu.

- + Chỉ tiêu về lợi nhuận đạt kế hoạch đặt ra.
- + Sản lượng điện tiêu thụ năm 2017 đạt 116 triệu KWh, tăng so với 2016 là 12%.
- + Doanh thu tăng 11%.

Có được kết quả trên là do sự lãnh đạo đúng hướng của HĐQT, ban giám đốc và của tập thể cán bộ CNV Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành

- + Tổng giám đốc: Đỗ Huy Đạt - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 746.680 CP
- + Phó tổng giám đốc - Kế toán trưởng: Lê Hữu Cảnh - Ủy viên HĐQT số cổ phần nắm giữ: 392.293 CP
- + Phó tổng giám đốc: Nguyễn Văn Thao số cổ phần nắm giữ: 38.480 CP

2.2 Số lượng lao động và chính sách với người lao động

- + Số lượng cán bộ công nhân viên: 110 người trong đó:

Trình độ đại học và trên đại học: 32 người

Cao đẳng, trung cấp: 15 người

Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông: 63 người

Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động luôn được thực hiện tốt:

Công ty thực hiện chi trả tiền lương, thưởng kịp thời đúng chế độ. Tất cả lao động của Công ty đều được đóng đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định của Nhà Nước.

Công tác bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho người lao động cũng được chú trọng thực hiện. Hàng năm đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên trong công ty và tổ chức các hội nghị biểu dương con em cán bộ CNV có thành tích xuất sắc trong học tập, các chương trình tham quan du lịch hè đều được tổ chức.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

+ Trong năm 2017 xây dựng 06 trạm biến áp tại xí nghiệp điện An Dương, nâng công suất được 04 TBA. Xí nghiệp Vĩnh Bảo nâng công suất: 13 trạm biến áp

*** Công suất năm 2017 tăng so với năm 2016: 5.930 KVA**

+ Thay định kỳ, kiểm định lại công tơ tại các xã trên địa bàn kinh doanh:

- Tổng số công tơ đã thay định kỳ năm 2017 là 9.798 công tơ cả 1 pha và 3 pha. Trong đó xí nghiệp điện An Dương là: 4.100 công tơ, xí nghiệp điện Vĩnh Bảo là: 5.698 công tơ

+ Lắp phát sinh công tơ: 2.081 cái

+ Bổ sung, thay thế hệ thống dây đường trục : 32 Km;

+ Toàn bộ hệ thống lưới điện và trạm biến áp của Công ty đảm bảo vận hành an toàn, đảm bảo chất lượng điện cung cấp và phụ tải sử dụng.

- Các công tác sửa chữa, duy tu bảo dưỡng, khắc phục sự cố, chống tổn thất đường dây và trạm biến áp, công ty luôn có kế hoạch thực hiện và khắc phục trong thời gian sớm nhất.

- Thường xuyên kiểm tra việc sử dụng điện của khách hàng, công tơ đo đếm và áp giá bán điện đúng mục đích.

Công tác tiếp nhận, tổ chức quản lý điện tại các khu dự án:

- Tiếp nhận hệ thống điện thôn An Trại(số hộ hiện tại 558 hộ), khu Gò Gai(thống kê 514 hộ), khu SHP(thống kê 366 hộ), khu Đăng Lâm 2(thống kê 138 hộ), khu Hạ Đoạn 2(thống kê 126 hộ), Vsip(thống kê 160).

- Hoạt động liên danh liên kết: Duy trì và đẩy mạnh hoạt động liên danh về lĩnh vực kinh doanh điện, nước tại các khu đô thị.

Công tác thực hiện dự án

- Khu CN Tân Liên chuyển nhượng xong toàn bộ dự án.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Theo số liệu Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2016 và 2017 đã được kiểm toán, tình hình Tài chính của Công ty thể hiện như sau:

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1	Tổng giá trị Tài sản	83.511	83.504	99
2	Doanh thu thuần	196.363	218.401	111
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.625	12.507	107
4	Lợi nhuận khác	405	638	157
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	12.031	13.146	109
6	Lợi nhuận sau thuế	9.427	10.497	111
7	Tỷ lệ trả cổ tức	20%	20%	

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,98	0,95
	Hệ số thanh toán nhanh	0,68	0,57
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,57	0,52
	Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	1,35	1,10
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Vòng quay vốn lưu động	4	4,9
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,35	2,62
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,048	0,048
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,268	0,279
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,114	0,126
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần.	0,058	0,057

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn chủ đầu tư của chủ sở hữu

a) cổ phần

- Số lượng cổ phần đang lưu hành: 3.161.892 cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông: 3.161.892 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách chốt ngày 06/3/2018 cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
	Tổng số cổ đông	127	3.161.892	100%
	- Cổ đông lớn	5	2.270.213	71,8%
	- Cổ đông trong nước	119	2.948.689	93,3%
	- Cổ đông nước ngoài	1	10	
	- Cổ đông tổ chức trong nước	3	202.866	6,4%
	- Cổ đông tổ chức nước ngoài	4	10.327	0,3%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu: Không có

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

5.5 Các chứng khoán khác: Không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2017 vẫn còn nhiều khó khăn do khách quan của nền kinh tế nhưng Công ty cũng đã thực hiện được những mục tiêu chiến lược đã đề ra đảm bảo vượt mức tỷ lệ chia cổ tức cho cổ đông.

Người lao động có việc làm ổn định, đời sống được nâng lên, nội bộ công ty luôn giữ tinh thần đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ nhau trong công tác.

Công tác kinh doanh điện mang lại lợi nhuận cao, giảm tỷ lệ tổn thất điện năng.

Thực hiện tốt công tác chăm sóc khách hàng, được sự ủng hộ nhiệt tình của các cấp chính quyền địa phương và đặc biệt là sự tin tưởng ủng hộ của nhân dân trên địa bàn công ty kinh doanh.

Thị trường ngày càng mở rộng, đầu tư lưới điện nông thôn mở rộng địa bàn kinh doanh phát triển dài hạn cho những năm tiếp theo.

2. Tình hình tài chính

2.1 Phân tích tình hình tài sản

Năm 2017 tình hình Tài chính của Công ty rất ổn định, Trong năm tài chính năm 2017 Công ty không phát sinh nợ xấu.

2.2 Phân tích khả năng sinh lợi, khả năng thanh toán

Với tính chất và ngành nghề Kinh doanh ổn định vì vậy Khả năng sinh lợi từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là tốt, năm sau cao hơn năm trước.

Khả năng thanh toán nhanh và rất được đảm bảo.

Năm 2017 đạt được kết quả vượt chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty về hoạt động của ban giám đốc Công ty

- + Thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý. Đó là công tác điều hành, quản trị của Công ty, công tác theo dõi hoạt động nội bộ, giám sát việc thực hiện các cơ chế giao khoán đối với các cá nhân, đơn vị trực thuộc.
- + Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT, luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, chính sách định hướng cho Ban điều hành công ty thực hiện đã đạt được một số kết quả mang lại lợi nhuận cho Công ty.
- + HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực phấn đấu hết mình của toàn thể CBCNV trong năm qua, nhất là việc tập trung quản lý giảm tổn thất tăng doanh thu.
- + HĐQT nhận định rằng Ban giám đốc đã nỗ lực thực hiện nhiệm vụ của mình để có được kết quả kinh doanh. Đánh giá cao Ban giám đốc đã xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có ý thức, trách nhiệm trong công việc tạo dựng được sự đoàn kết hỗ trợ để cùng phát triển công ty.

Năm 2017 hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế do Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đề ra, tạo việc làm ổn định và tăng lương theo quy định Nhà nước cho người lao động trong Công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2018

- Tuân thủ và hoạt động theo Điều lệ, quy chế quản lý và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018. Thống nhất ý kiến của các thành viên để chỉ đạo Tổng giám đốc và ban điều hành thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.
- Kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD và các hoạt động đầu tư của Tổng giám đốc và Ban điều hành Công ty.
- Bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty.
- Huy động mọi nguồn lực để thực hiện mục tiêu chiến lược của Công ty, tăng cường công tác quan hệ để củng cố và mở rộng thị trường, nắm bắt kịp thời và nhạy bén những chính sách vĩ mô của Nhà nước để bổ sung kịp thời cho công tác quản lý vận hành.

Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy giúp việc, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty, đưa ra các biện pháp đột phá trong quản lý, phát huy tính tự chủ của cán bộ trong hoạt động SXKD. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ quản lý, trình độ chuyên môn kỹ thuật cho nhân viên trong Công ty. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch SXKD và các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1) Ông Nguyễn Trung Kiên – Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Trung Kiên sinh năm 1961. Là Thạc sỹ Kinh tế, với kinh nghiệm của mình ông đang giữ chức Phó tổng giám đốc tài chính công ty Nhựa Tiền Phong.

Hiện nay ông Nguyễn Trung Kiên là Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty CP Điện nước lắp máy Hải Phòng.

Ông sở hữu 721.561 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

2) Ông Đỗ Huy Đạt – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Đỗ Huy Đạt sinh năm 1958. Ông là Kỹ sư địa chất công trình, cử nhân kinh tế.

Ông đã từng giữ các chức vụ Phó giám đốc Công ty Xây dựng và đầu tư hạ tầng HP từ năm 1998 – 2003. Phó giám đốc điều hành Công ty Điện nước lắp máy Hải Phòng từ năm 2004 – 2005.

Hiện nay ông là Tổng giám đốc công ty và thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Ông sở hữu 746.680 cổ phiếu DNC.

3) Ông Lê Hữu Cảnh – Ủy viên Hội đồng quản trị.

Ông Lê Hữu Cảnh sinh năm 1964. Với trình độ Kỹ sư kinh tế ông đã trải qua nhiều chức vụ kế toán trưởng, phó tổng giám đốc công ty.

Hiện nay ông Lê Hữu Cảnh đảm nhận chức vụ Phó tổng giám đốc công ty, kế toán trưởng ủy viên Hội đồng quản trị của Công ty CP điện nước lắp máy Hải phòng.

Ông sở hữu 392.293 cổ phiếu DNC.

4) Bà Vũ Thị Lương Dung - Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Vũ Thị Lương Dung sinh năm 1975 là Thạc sỹ Kinh tế, đã từng giữ chức phó giám đốc xí nghiệp Xây dựng, Phó phòng kinh doanh.

Hiện nay bà là Giám đốc kinh doanh, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng,

Bà sở hữu 5.030 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

5) Bà Lại Thị Vinh – Ủy viên hội đồng quản trị.

Bà Lại Thị Vinh sinh năm 1965 là Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật, Kế toán trưởng, đã từng giữ chức chuyên viên CNK Chi nhánh Tổng Công ty Da giày Việt Nam tại Hải Phòng; chuyên viên kinh doanh, Phó phòng Kinh doanh Công ty Liên doanh Gia công thép VINANIC; Phó giám đốc Chi nhánh Công ty Kim khí Hà Nội tại Hải Phòng; Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV kinh doanh dầu khí Việt Hải.

Hiện nay bà là Trưởng ban kiểm soát Công ty CP tư vấn thiết kế và giám định Sao Việt, Kế toán trưởng Công ty CP vận tải Biển Bắc, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP điện nước lắp máy Hải Phòng.

Bà sở hữu 24.062 cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng

* Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành 04 phiên họp thường kỳ để triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. HĐQT đã rất quyết tâm, cẩn trọng đưa ra những

phương án, biện pháp phù hợp để thực hiện, ban hành một số nội quy, Quy chế của Công ty, xem xét, kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

Những nội dung xem xét, giải quyết tại các cuộc họp:

+ Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư thực hiện dự án:

a) Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh quý I/2017, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực chỉ đạo điều hành của Ban giám đốc Công ty đạt được những kết quả:

- Sản xuất kinh doanh quý I các chỉ tiêu tài chính đạt kế hoạch đã đề ra, tỷ lệ tồn thất giảm 0,1 % so với kế hoạch
- Bố trí sắp xếp cơ cấu tổ chức phòng ban, xí nghiệp phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Điều chỉnh lương tăng 7% so với năm 2016, hàng quý trích thêm 2% tổng quỹ lương thưởng cho các đơn vị, bộ phận đạt, vượt chỉ tiêu SXKD.
- Bổ sung hệ thống đường trục chống quá tải, phát triển hệ thống lưới điện
- Khảo sát nâng công suất 06 trạm biến áp, khảo sát xin mặt bằng xây dựng 03 trạm biến áp tại Thủy Nguyên và Vĩnh Bảo.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động của các đơn vị, khách hàng sử dụng điện.
- Công tác tiếp nhận, tổ chức quản lý điện tại các khu dự án:
- Tập trung công tác quản lý, kinh doanh nước sạch tại Khu đô thị và khu chung cư.
- Hội đồng quản trị nhất trí với kế hoạch quý II năm 2017.

b) Xem xét kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2017. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên trong việc đạt vượt mức chỉ tiêu doanh thu đề ra.

- HĐQT đưa ra phương hướng giải quyết một số tồn tại: về thu hồi công nợ, hồ sơ quản lý khách hàng, về tỷ lệ tồn thất của các trạm biến áp vẫn còn cao.
- HĐQT Nhất trí kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm.
- HĐQT Nhất trí báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm.
- Nhất trí kế hoạch xây dựng 02 trạm biến áp tại xã An Đồng và Thủy Nguyên, nâng công suất TBA và cải tạo, bổ sung đường trục hạ thế vào 6 tháng cuối năm.
- HĐQT Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2018.
 - + Tiếp tục thực hiện dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 34 Thiên Lôi.
 - + Đầu tư xây dựng thêm các trạm biến áp tại các xã
 - + Đầu tư, sửa chữa, cải tạo nâng cấp đường dây hạ thế, số lượng dự kiến kéo dây đường trục 10-15km
 - + Phát triển khách hàng mới
 - + Đầu tư xây dựng kho để vật tư của Công ty.

+ Xin mặt bằng đầu tư xây dựng văn phòng quản lý.

c) Xem xét, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh quý 3 năm 2017. Qua số liệu báo cáo Hội đồng quản trị nhất trí với kết quả sản xuất kinh doanh quý 3, doanh thu đạt 65 tỷ, lợi nhuận trước thuế 5 tỷ đồng. Tỷ lệ tổn thất điện năng đạt 6,1%.

- Đảm bảo vốn phục vụ công tác sản xuất kinh doanh.

- Quý 3 đã nâng cấp hệ thống lưới điện, nâng công suất 04 trạm biến áp tại Vĩnh Bảo, Hoàn thiện xong 03 trạm biến áp tại An Dương, 02 trạm chờ thủ tục đóng điện.

- Tiếp nhận xong địa bàn quản lý điện tại thôn An Trại, An Lập xã An Lữ huyện Thủy Nguyên.

- Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4. Nhấn mạnh các công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống lưới điện, kế hoạch đầu tư thiết bị trạm và tập trung chống tổn thất tại các trạm điện có tổn thất cao.

- Hội đồng quản trị nhất trí với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- HĐQT nhất trí với một số nội dung:

+ Điều chỉnh tiền lương, cơ chế khoán cho các bộ phận, cán bộ CNV từ tháng 1/2018 tăng 10%.

+ Kế hoạch du lịch năm 2018 tại Thái Lan cho toàn bộ cán bộ CNV Công ty.

+ Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 bằng tiền tỷ lệ 10%

+ Dự kiến hợp ĐHĐCĐ vào cuối tháng 3/2018.

d) HĐQT xem xét báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017. Hội đồng quản trị nhất trí kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017. Chỉ tiêu về doanh thu đạt 95% và chỉ tiêu lợi nhuận đạt 99% so với kế hoạch. Tỷ lệ tổn thất điện năng giảm còn: 6,1%

- HĐQT chỉ ra một số việc còn tồn tại như: tổn thất điện năng ở xã Lập Lễ còn cao, tập trung cho công tác đầu tư, cải tạo đủ nguồn điện cung cấp cho khách hàng và giảm tỷ lệ tổn thất.

- HĐQT nhất trí kế hoạch quý 1 năm 2018: về tổ chức và các kế hoạch đầu tư.

- HĐQT nhất trí với báo cáo tài chính kinh doanh năm 2017, các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận năm sau cao hơn năm trước 11%.

- Năm 2018 áp dụng công nghệ quản lý thu nộp tiền điện, nước của khách hàng qua các hình thức thanh toán điện tử.

- HĐQT thông qua lợi nhuận trước thuế năm 2018: 14,5 tỷ đồng, năm 2018 có kế hoạch tăng vốn Điều lệ 30%.

- Giao Tổng giám đốc công ty chỉ đạo các công tác chuẩn bị Đại hội đồng cổ

đồng thường niên năm 2018 ngày 31/3/2018.
- Sửa đổi Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính

Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP
1.	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban	10.493CP chiếm 0,33%
2.	Lâm Thị Lịch	Thành viên	202.686CP chiếm 6,4 %
3.	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên kiêm thư ký	499CP chiếm 0,016 %

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

*** Đánh giá chung hoạt động của Ban kiểm soát:**

- + Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017;
- + Giám sát việc thực hiện Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, việc tuân thủ quy định của Pháp luật đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong quá trình hoạt động của Công ty;
- + Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính, kết quả kinh doanh giữa niên độ và cả năm 2017;
- + Xem xét thực hiện và quyết toán các dự án đầu tư, việc thực hiện quy trình, trình tự, thủ tục hồ sơ của dự án;
- + Xem xét việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.
- + Xem xét các quy trình, quy định và các văn bản ban hành của Ban Tổng Giám đốc và của Hội đồng quản trị Công ty có phù hợp với Luật pháp hay không.
- + Tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

*** Năm 2017 Ban kiểm soát tổ chức 2 cuộc họp:**

1. Ngày 12/03/2017 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2016
2. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty
3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý

4. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông
5. Một số nhận xét và kiến nghị
6. Kế hoạch làm việc của BKS năm 2017.

2. Ngày 13/08/2017 Ban kiểm soát đã họp và thống nhất với các nội dung sau:

1. Kết quả giám sát tình hình tài chính của Công ty 06 tháng đầu năm 2017.
2. Kết quả giám sát đối với HĐQT, BTGD, Cán bộ quản lý.
3. Sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, BTGD và Cổ đông.

***Kết quả của các cuộc họp của ban kiểm soát:**

Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều diễn ra tại trụ sở của Công ty cổ phần Điện nước lắp máy Hải Phòng. Các thành viên của Ban kiểm soát đã tích cực nghiên cứu, trao đổi, thảo luận và thống nhất các nội dung của cuộc họp. Kết thúc cuộc họp đều lập thành biên bản; ý kiến tán thành 3/3 chiếm tỷ lệ 100%.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

- a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban giám đốc và ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương, Thưởng, Thù lao
1	Nguyễn Trung Kiên	Chủ tịch HĐQT	13.000.000
2	Đỗ Huy Đạt	Ủy viên HĐQT- Tổng GD	811.333.998
3	Lê Hữu Cảnh	Ủy viên HĐQT- Phó TGD	599.216.383
4	Vũ Thị Lương Dung	Ủy viên HĐQT- Giám đốc KD	360.619.847
5	Lại Thị Vinh	Ủy viên HĐQT	85.000.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát	186.787.847
7	Lâm Thị Lịch	Thành viên Ban Kiểm soát	56.000.000
8	Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	98.000.000

- b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: có

- c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Để từng bước nâng cao hiệu quả công tác quản lý, quản trị Công ty:

- + Xây dựng, ban hành các hệ thống quản lý, rà soát, bổ sung những nội dung của Quy định, quy chế không còn phù hợp.

- + Giám sát chặt chẽ, kịp thời thu hồi các khoản nợ phải thu nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh
- + Các giải pháp, biện pháp đạt nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh và hoàn thành các mặt chưa đạt, còn thiếu và yếu.
- + Chấp hành theo các Quy định của Nhà nước.

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31/12/2017 (Đã được Kiểm toán):**

1.1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017					
				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		41.735.653.223	46.832.595.329
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	3.440.887.778	4.631.410.423
1.	Tiền	111		3.440.887.778	4.631.410.423
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.000.000.000	1.200.000.000
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	3.000.000.000	1.200.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.788.266.673	26.365.685.659
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	8.101.680.120	18.826.258.960
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.281.892.716	2.003.093.634
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		400.000.000	200.000.000
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	6.004.693.837	5.336.333.065
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		16.213.468.400	14.496.977.477
1.	Hàng tồn kho	141	V.5	16.213.468.400	14.496.977.477
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		293.030.372	138.521.770
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	293.030.372	138.521.770
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.768.474.289	36.679.182.661
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		300.000.000	550.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		300.000.000	550.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		25.292.823.615	20.463.533.475
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	25.292.823.615	20.463.533.475
	<i>Nguyên giá</i>	222		64.707.326.527	55.374.124.432
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.414.502.912)	(34.910.590.957)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		13.010.888.045	12.832.507.761
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	13.010.888.045	12.832.507.761
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.164.762.629	2.833.141.425
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.164.762.629	2.833.141.425
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		83.504.127.512	83.511.777.990

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C	NỢ PHẢI TRẢ	300		43.877.405.650	48.097.318.291
I.	Nợ ngắn hạn	310		43.877.405.650	47.801.493.291
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	6.505.681.361	12.060.824.547
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	20.572.179.201	11.969.006.337
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	1.254.356.815	1.478.672.938
4.	Phải trả người lao động	314		245.277.336	218.914.464
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.082.849.083	6.897.087.901
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.017.061.854	6.225.459.184
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	7.200.000.000	8.951.100.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	-	427.920
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	295.825.000
1.	Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	17.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	-	278.825.000
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		39.626.721.862	35.414.459.699
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.16	39.626.721.862	35.414.459.699
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.618.920.000	25.296.320.000
-	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>31.618.920.000</i>	<i>25.296.320.000</i>
-	<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		(50.000.000)	(50.000.000)
3.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5.	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		8.399.385	2.556.571.603
9.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		713.858.604	713.858.604
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.335.543.873	6.897.709.492
-	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		-	-
-	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>7.335.543.873</i>	<i>6.897.709.492</i>
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	431		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		83.504.127.512	83.511.777.990

1.2. BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính : vnd

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	218.401.330.256	196.363.275.230
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		218.401.330.256	196.363.275.230
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	197.274.391.075	175.820.890.257
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.126.939.181	20.542.384.973
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	146.694.980	104.965.477
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	824.138.738	940.785.504
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		824.138.738	811.703.569
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.941.648.120	8.080.570.343
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.507.847.303	11.625.994.603
11.	Thu nhập khác	31	VI.6	848.809.471	781.107.382
12.	Chi phí khác	32	VI.7	210.361.931	375.737.199
13.	Lợi nhuận khác	40		638.447.540	405.370.183
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.146.294.843	12.031.364.786
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	2.648.858.970	2.604.023.294
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.497.435.873	9.427.341.492
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	3.132	2.867

1.3. BẢNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		13.146.294.843	12.031.364.786
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		4.503.911.955	4.177.398.304
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(146.694.980)	(104.965.477)
-	Chi phí lãi vay	06		824.138.738	811.703.569
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18.327.650.556	16.915.501.182
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.710.916.946	1.239.534.299
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.716.490.923)	(9.140.700.318)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.028.558.608)	4.478.584.884
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		25.867.158	(2.254.058.814)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(824.138.738)	(811.703.569)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.716.000.549)	3.545.762.366)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(465.359.067)	(319.736.981)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.313.886.775	6.561.658.317
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(10.246.157.440)	(5.387.119.900)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.200.000.000)	(1.700.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.450.000.000	350.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		213.197.020	80.491.477
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.782.960.420)	(6.656.628.423)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		57.830.000.000	42.525.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(59.859.925.000)	(39.309.197.579)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.691.524.000)	(7.588.896.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.721.449.000)	(4.373.093.579)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.190.522.645)	(4.468.063.685)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.631.410.423	9.099.474.108
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	3.440.887.778	4.631.410.423

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN NƯỚC LẮP MÁY HẢI PHÒNG



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Trung Kiên